

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VIETFAST**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VIETFAST

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETFAST TRADING AND PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108219894

**3. Ngày thành lập:** 06/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 103 nhà A, ngõ 805 đường Giải phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                    | 3319        |
| 2.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                   | 3320        |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                     | 4321        |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                            | 4329        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                             | 4610        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                | 4290        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                    | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                         | 4312        |
| 9.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                | 2512        |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                              | 2592        |
| 11. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                            | 2710        |
| 12. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                               | 2790        |
| 13. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                 | 2816        |
| 14. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                | 3312        |
| 15. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                    | 3314        |
| 16. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                 | 3315        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                           | 4322        |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                      | 7730        |
| 19. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                            | 2511(Chính) |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                   | 4663        |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659        |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                       | 4390        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CAO TIẾN DŨNG     | số 113, ngõ 128 đường Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 001069000240                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                             | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐOÀN KIM THUẦN    | Xóm Đồng Giang, Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 162367316                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                             | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM THÀNH DUÂN   | Xóm 4, thôn Trung Thành, Xã Đông Động, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 034086003201                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                             | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN THANH HÙNG | Đội 11, thôn Nhạn Tháp, Xã Mễ Sở, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 033087002153                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                             | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CAO TIẾN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/12/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001069000240

Ngày cấp: 25/04/2017

Nơi cấp: do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 113, ngõ 128 đường Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 113, ngõ 128 đường Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội